



## MỞ ĐẦU

Điều lệ này quy định nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng số 17 Vinaconex (gọi tắt là Công ty cổ phần Vinaconex 17); thể hiện quyền lợi, nghĩa vụ của nhà đầu tư khi tự nguyện trở thành cổ đông của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng mọi hoạt động của Công ty nhất quán theo định hướng: Phát triển ổn định và bền vững, lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước, hoạt động minh bạch, tối đa hoá lợi ích cho cổ đông, khách hàng, người lao động và phù hợp với môi trường xã hội, song hành cùng lợi ích cộng đồng.

**I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ****Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ**

1. Trong điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
  - a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
  - b. "Luật doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
  - c. "Luật chứng khoán" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006.
  - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty cổ phần Vinaconex 17 được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
  - e. "Cán bộ quản lý" là Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
  - f. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 17, Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 34, Điều 6 Luật chứng khoán.
  - g. "Người biết thông tin nội bộ" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 33, Điều 6 Luật Chứng khoán.
  - h. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty cổ phần Vinaconex 17 được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng Nghị quyết.
  - i. "Việt Nam" là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
  - j. "Công ty" hoặc "VINACONEX 17" thể hiện trong Điều lệ này được hiểu là Công ty cổ phần Vinaconex 17.
  - k. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
  - l. "Cổ đông nội bộ" là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc/Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/Phó Giám đốc và Kế toán trưởng; Cổ đông lớn của công ty; Người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật doanh nghiệp.
  - m. "Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc)" là Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành và các Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc).
  - n. "Ban điều hành" là Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng.
  - o. "Đơn vị trực thuộc" là các Ban chỉ huy công trường, Đội, Nhà máy, Xí nghiệp, Chi nhánh, Ban quản lý dự án, Ban điều hành dự án thuộc Công ty.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.



## II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

**1. Tên Công ty**

- \* Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 17 VINACONEX
- \* Tên tiếng Anh : VINACONEX 17 CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY
- \* Tên giao dịch viết tắt : VINACONEX 17

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam. Công ty là đơn vị thành viên của Tổng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VINACONEX).

**3. Trụ sở đăng ký của Công ty:**

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 184 Lê Hồng Phong, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Điện thoại : +84.58.3.875405 - 875489 - 875492 - 875336
- Fax : +84.58.3.875410
- Email : v17@vinaconex17.com.vn
- Website : www.vinaconex17.com.vn

4. Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 56 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 58 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

## III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

**Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

**1. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty:**

- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và công nghiệp; Thi công nền móng, xử lý nền đất yếu; Công trình xây dựng cấp thoát nước; Xử lý nước thải, chất thải; Lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh; Xây dựng các công trình công nghiệp, công trình đường và trạm biến thế điện đến 200KV; Công trình cầu, cảng, sân bay; Đầu tư kinh doanh phát triển nhà; Đầu tư kinh doanh khai thác nước sạch; Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng (cát, đá, sỏi, gạch, ngói, xi măng, cấu kiện bê tông, bê tông thương phẩm và các loại vật liệu xây dựng khác dùng trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất); Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng và công nghệ xây dựng, các mặt hàng thủ công, mỹ nghệ, hàng nông lâm, thủy sản, hàng tiêu dùng; Vận chuyển và giao nhận hàng hóa; Kinh doanh khách sạn và du lịch; Đại lý mua bán máy móc, thiết bị, các mặt hàng phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng. Cho thuê nhà ở; cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đỗ xe.
- Tư vấn đầu tư xây dựng, lập thẩm định dự án thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, tư vấn đấu thầu, khảo sát địa hình, địa chất, thí nghiệm, tư vấn giám sát, quản lý dự án;



- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Tư vấn, môi giới, đầu tư bất động sản, đầu tư quyền sử dụng đất
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Xây dựng VINACONEX 17 trở thành doanh nghiệp có uy tín - thương hiệu hàng đầu trên lĩnh vực xây lắp, bất động sản, vật liệu xây dựng tại khu vực miền Trung - Tây nguyên, kinh doanh có lãi, tốc độ tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước, đóng góp ngày càng nhiều cho sự phát triển của đất nước, tối đa hóa lợi ích cổ đông, tạo việc làm ổn định và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, quan tâm đến trách nhiệm xã hội.

**Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác phù hợp với các quy định của pháp luật và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

**IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, TRÁI PHIẾU, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

**Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, trái phiếu, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thông qua bản điều lệ này là: **15.027.500.000 VND** (Mười lăm tỷ không trăm hai mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **1.502.750** (Một triệu năm trăm lẻ hai ngàn bảy trăm năm mươi) cổ phần với mệnh giá là 10.000 (mười nghìn đồng)/cổ phần.
2. Công ty có thể tăng Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Tất cả các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là các cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần này được quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi (20) ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Thủ tục chào bán cổ phần thực hiện theo Điều 87 Luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.



8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
9. Cổ phần, trái phiếu, các loại chứng khoán khác của Công ty có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật và phải được thanh toán đủ một lần.

#### **Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp cổ phiếu đã được lưu ký và trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều này.
2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có đóng dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.
3. Trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.
7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

#### **Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

#### **Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần Công ty đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán. Cổ phiếu của cổ đông

chiến lược sẽ được chuyển nhượng theo quy định hiện hành của pháp luật và các thỏa thuận của Công ty với từng cổ đông chiến lược.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

#### **Điều 9. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các khoản 4,5,6 Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá lãi suất cho vay bằng VNĐ kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng nơi Công ty có tài khoản giao dịch) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phiếu bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

#### **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT**

##### **Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý**

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành.

#### **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

##### **Điều 11. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:



- 2.1 Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc gửi phiếu biểu quyết bằng thư bảo đảm đến Hội đồng quản trị chậm nhất 01 ngày trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - 2.2 Nhận cổ tức;
  - 2.3 Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
  - 2.4 Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
  - 2.5 Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
  - 2.6 Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
  - 2.7 Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
  - 2.8 Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp;
  - 2.9 Tham gia đóng góp ý kiến, góp ý để xây dựng Công ty (bằng cách gửi văn bản, fax, email, điện thoại...);
  - 2.10 Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:
    - 3.1 Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại điểm b khoản 2 Điều 26 và khoản 2 Điều 42 Điều lệ Công ty;
    - 3.2 Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
    - 3.3 Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;
    - 3.4 Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
    - 3.5 Kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều 17 Điều lệ này;
    - 3.6 Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.
  4. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành.
    - 4.1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn sáu (06) tháng có quyền yêu cầu Ban kiểm soát khởi kiện trách nhiệm



dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành trong các trường hợp sau đây:

- a. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành không thực hiện đúng các quyền và nhiệm vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời quyết định của Hội đồng quản trị; thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành đã sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành đã lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 4.2. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu khởi kiện của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại điểm 1 khoản 4 Điều này, Ban kiểm soát phải trả lời bằng văn bản xác nhận đã nhận được yêu cầu khởi kiện và tiến hành các thủ tục khởi kiện theo yêu cầu.
- 4.3. Trường hợp Ban kiểm soát không khởi kiện theo yêu cầu quy định tại khoản 4.2 Điều này thì cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại điểm 1 khoản 4 Điều này có quyền trực tiếp khởi kiện thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành.
- 4.4. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

## Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin đã đăng ký; khi có thay đổi về thông tin cá nhân đã đăng ký, cổ đông có trách nhiệm cập nhật, bổ sung tại nơi đã đăng ký thông tin.
4. Dự họp Đại hội đồng cổ đông đầy đủ và đúng giờ theo thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.
5. Theo dõi mọi thông tin liên quan đến cổ đông và hoạt động của Công ty được đăng tải trên trang tin điện tử (Website) của Công ty tại địa chỉ: [www.vinaconex17.com.vn](http://www.vinaconex17.com.vn).
6. Đối với cổ đông nội bộ phải báo cáo sở hữu theo quy định tại Điều 29 Luật chứng khoán và công bố thông tin về giao dịch theo quy định của Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn thi hành.
7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này.
8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau:
  - 8.1 Vi phạm pháp luật;
  - 8.2 Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;



8.3 Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

### Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - 3.1 Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - 3.2 Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;
  - 3.3 Khi số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định trong Điều lệ Công ty;
  - 3.4 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do, mục đích và nội dung đề xuất cuộc họp, có chữ ký gốc của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký gốc của tất cả các cổ đông có liên quan);
  - 3.5 Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
  - 3.6 Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã hết hạn quá sáu (06) tháng mà chưa được tiến hành bầu lại theo quy định;
  - 3.7 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
  - 4.1 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm 3.3 khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm 3.4, 3.5 khoản 3 Điều 13 Điều lệ này;
  - 4.2 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm 4.1 khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp;
  - 4.3 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm 4.2 khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm 3.4 khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp;



Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết;

- 4.4 Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

#### **Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
  - 1.1 Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
  - 1.2 Báo cáo của Ban kiểm soát;
  - 1.3 Báo cáo của Hội đồng quản trị;
  - 1.4 Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
  - 2.1 Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
  - 2.2 Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
  - 2.3 Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
  - 2.4 Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
  - 2.5 Lựa chọn công ty kiểm toán;
  - 2.6 Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - 2.7 Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - 2.8 Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
  - 2.9 Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
  - 2.10 Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - 2.11 Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
  - 2.12 Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
  - 2.13 Quyết định giao dịch mua, bán, cầm cố, thế chấp, thanh lý về tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất và hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp;
  - 2.14 Thông qua các dự án đầu tư, đầu tư tài chính, góp vốn, liên doanh, liên kết có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp;
  - 2.15 Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
  - 2.16 Việc Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;



- 2.17 Công ty hoặc chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- 2.18 Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
  - 3.1 Các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
  - 3.2 Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.
4. Tất cả các Nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

#### Điều 15. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Đối với cổ đông là tổ chức sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ủy quyền tối đa ba người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.
  2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
    - 2.1 Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
    - 2.2 Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
    - 2.3 Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
  4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
    - 4.1 Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
    - 4.2 Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
    - 4.3 Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

#### Điều 16. Thay đổi các quyền



1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 14 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.
2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 của Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

**Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm 4.2 khoản 4 Điều 13 hoặc điểm 4.3 khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
  - 2.1 Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
  - 2.2 Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
  - 2.3 Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán, trên Website của Công ty, 01 tờ báo Trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi Công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua Bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số Fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể được đưa trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào



hòm thư). Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang tin điện tử (Website) của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 điều này trong các trường hợp sau:
  - 5.1 Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
  - 5.2 Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng.
  - 5.3 Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

#### **Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần thứ hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Theo đề nghị của chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 điều 17 Điều lệ này.

#### **Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Khi thực hiện đăng ký, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải xuất trình các chứng cứ chứng minh tính pháp lý cá nhân, như sau:
  - 1.1 Chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu;



- 1.2 Giấy ủy quyền hợp lệ theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này hoặc giấy tờ chứng minh tư cách đại diện đương nhiên theo pháp luật đối với trường hợp là đại diện của cổ đông.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của Ban kiểm phiếu không quá ba người.
  3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
  4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì một thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch ủy quyền hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.
  5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
  6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng:
    - 6.1 Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội;
    - 6.2 Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp;
    - 6.3 Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.
  7. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
  8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
  9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng

quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

10.1 Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;

10.2 Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;

10.3 Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

11.1 Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");

11.2 Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

## **Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

1.1 Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

1.2 Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;

1.3 Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

**Điều 21. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**



Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - 3.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
  - 3.2 Mục đích lấy ý kiến;
  - 3.3 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - 3.4 Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - 3.5 Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - 3.6 Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - 3.7 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - 5.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
  - 5.2 Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - 5.3 Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
  - 5.4 Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - 5.5 Các quyết định đã được thông qua;
  - 5.6 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty;
8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

### **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (5) người. Tùy theo quy mô và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị kiến nghị Đại hội đồng cổ đông quyết định số lượng tăng thêm thành viên Hội đồng quản trị nhưng không vượt quá 11 (mười một) người;
2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (5) năm. Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới phải được bầu lại trong thời hạn không quá 06 tháng tính từ thời điểm kết thúc nhiệm kỳ cũ. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

#### **Điều 25. Cơ cấu Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên còn lại được gọi là Ủy viên Hội đồng quản trị. Khi cần thiết Hội đồng quản trị có thể bầu một Phó Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm chức danh Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành Công ty, trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định theo điểm 2.15, khoản 2, điều 14 của Điều lệ này. Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty có thể kiêm Chủ tịch Hội

đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành của Công ty khác.

3. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không tham gia điều hành tại Công ty phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú tại Việt Nam ít nhất 3/4 thành viên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trong Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết là cổ đông của Công ty;

**Điều 26. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị, đề cử ứng cử viên vào Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
  - 1.1 Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp;
  - 1.2 Cổ đông là cá nhân sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông hoặc cổ đông là cá nhân sở hữu ít hơn 10% tổng số cổ phần phổ thông, người không phải là cổ đông thì phải là người có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm, năng lực quản trị doanh nghiệp, có tầm nhìn chiến lược trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty.
2. Đề cử ứng cử viên vào Hội đồng quản trị:
  - 2.1 Thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội đồng quản trị;
  - 2.2 Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng cử viên vào Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa một ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai ứng cử viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba ứng cử viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn ứng cử viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên;
  - 2.3 Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Hội đồng quản trị Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử;
  - 2.4 Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được các ứng cử viên) được công bố trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông một khoảng thời gian hợp lý để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý các thông tin cá nhân, thực hiện nhiệm vụ của mình một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.
3. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ



tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử do Đại hội cổ đông thông qua.

4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
  - 4.1 Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị Pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
  - 4.2 Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
  - 4.3 Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phân quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
  - 4.4 Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
5. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định trong Điều lệ thì Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba, để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Trong các trường hợp khác, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định chiến lược, định hướng phát triển, mục tiêu và quyền lợi của Công ty, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành và các cán bộ quản lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
  - 3.1 Lĩnh vực tổ chức - nhân sự, hành chính quản trị:
    - a. Quyết định cơ cấu tổ chức, tổng định biên nhân sự, các giải pháp chiến lược nguồn nhân lực; công tác quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ nguồn nhân lực từ Trường, phó các phòng, ban đơn vị trở lên, hệ thống quy chế quản trị nội bộ Công ty;
    - b. Quyết định thành lập mới, chia, tách, sáp nhập, giải thể các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng ban, đơn vị trực thuộc. Quyết định thành lập hoặc giải tán các tiểu ban, hội đồng trực thuộc Hội đồng quản trị để tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị.



- c. Quyết định phương án trả lương; phê duyệt tổng quỹ tiền lương, tiền thưởng, chính sách đãi ngộ người lao động và các quỹ trong Công ty hàng năm; điều chỉnh tăng - giảm quỹ lương, thưởng trong năm dựa trên sản lượng, doanh thu và lợi nhuận đạt được trong năm;
- d. Quyết định thưởng sáng kiến đổi mới, cải tiến kỹ thuật, quản lý công nghệ, thưởng tăng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm vật tư và chi phí;
- e. Quyết định mức thù lao, tiền hoa hồng cho cán bộ công nhân viên trong Công ty, cho đối tác bên ngoài đã có sự hợp tác làm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty;
- f. Quyết định bổ nhiệm, mức lương, khen thưởng, thù lao, trợ cấp, các lợi ích khác, kỷ luật, miễn nhiệm, cách chức đối với các Cán bộ quản lý. Việc bãi nhiệm nói trên không trái với các quyền theo hợp đồng lao động của những người được bãi nhiệm (nếu có);
- g. Có quyền yêu cầu Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành bổ nhiệm, mức lương, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, cách chức đối với Trưởng, phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc khi Hội đồng quản trị thấy cần thiết;
- h. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát hoặc xử lý các vi phạm trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh của cán bộ quản lý; yêu cầu tập thể, cá nhân trong Công ty báo cáo chi tiết các nội dung liên quan đến hoạt động của Công ty;
- i. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, Hội đồng quản trị đánh giá năng lực Ban điều hành, hiệu quả kinh doanh để đưa ra những giải pháp, quyết định kịp thời;
- j. Quyết định thuê Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là người bên ngoài Công ty. Quyết định thuê các đơn vị tư vấn cho hoạt động của Công ty;
- k. Quyết định hệ thống nhân dạng thương hiệu của Công ty;
- l. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
- m. Thông qua nội dung thỏa ước lao động tập thể đối với người lao động;
- n. Quyết định chính sách thu hút đối với lao động có trình độ chuyên môn kinh tế kỹ thuật cao;
- o. Đề xuất Đại hội đồng cổ đông quyết định chia, tách, hợp nhất, sát nhập hoặc chuyển đổi Công ty; thay đổi địa chỉ Trụ sở chính; thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty;
- p. Quyết định thay đổi địa chỉ Chi nhánh, Văn phòng đại diện;
- q. Quyết định việc xây dựng, đăng ký, thay đổi, bổ sung, chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ;
- r. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- s. Quyết định sửa đổi khoản 1 Điều 5 trong Điều lệ Công ty về mức vốn điều lệ sau khi kết thúc từng đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ của Công ty.

### 3.2 Lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đầu tư:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; chỉ đạo và giám sát Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) tổ chức thực hiện;

- b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - c. Kiểm tra, kiểm soát việc điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc/Ban Tổng giám đốc thông qua báo cáo định kỳ, đột xuất, chương trình hành động cụ thể về tiêu chí sản lượng, doanh thu, hiệu quả, thu hồi vốn, lợi nhuận, uy tín - thương hiệu, chất lượng đội ngũ nguồn nhân lực, việc thực hiện chế độ, chính sách người lao động;
  - d. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; các biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty;
  - e. Phê duyệt phương án, kế hoạch nghiên cứu - ứng dụng thiết bị, kỹ thuật, công nghệ mới vào công tác sản xuất kinh doanh;
  - f. Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua các dự án đầu tư, đầu tư tài chính, góp vốn, liên doanh, liên kết có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Tỷ lệ nhỏ hơn 50% do Hội đồng quản trị quyết định;
  - g. Thông qua các hợp đồng kinh doanh - thương mại và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp phải kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - h. Phê duyệt các định mức nội bộ; khung giá hoặc giá mua, giá bán các sản phẩm, dịch vụ của Công ty;
  - i. Phê duyệt các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch hoặc các khoản đầu tư vượt kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm;
  - j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
- 3.3. Lĩnh vực tài chính - kế toán, cổ phần, cổ phiếu:
- a. Quyết định chiến lược phát triển tài chính, đầu tư tài chính của Công ty;
  - b. Quyết định kế hoạch tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty và các giải pháp tổ chức thực hiện;
  - c. Quyết định phương án huy động vốn, sử dụng vốn cho kỳ tiếp theo;
  - d. Quyết định góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - e. Quyết định các quỹ trong Công ty và giám sát việc sử dụng; mức cổ tức tạm thời, thời hạn và thủ tục trả cổ tức, xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh;
  - f. Quyết định giá chào bán cổ phần, trái phiếu, các chứng khoán chuyển đổi của Công ty và các chứng khoán khác, trừ trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 điều 87 Luật Doanh nghiệp; việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty;
  - g. Quyết định việc mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần trên tổng số cổ phần được chào bán trong mỗi 12 tháng; Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
  - h. Quyết định mời kiểm toán viên hoặc đơn vị kiểm toán tham dự họp Đại hội đồng cổ đông để có ý kiến về những vấn đề kiểm toán; thống nhất chủ trương trước khi công bố báo cáo tài chính, bản cáo bạch;



- i. Quyết định mức dư nợ ngắn hạn trong trường hợp vượt quá 15% doanh thu theo niên độ kế toán;
  - j. Thông qua Hợp đồng mua, bán, vay, cho vay của Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (tỷ lệ nhỏ hơn giao Giám đốc (Tổng Giám đốc) quyết định), trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp;
  - k. Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông quyết định mua, bán, cầm cố, thế chấp, thanh lý về tài sản Công ty, Chi nhánh bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; tỷ lệ nhỏ hơn do Hội đồng quản trị quyết định, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp;
  - l. Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông quyết định huy động vốn bằng hình thức phát hành cổ phiếu; các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
  - m. Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông mức cổ tức hàng năm;
  - n. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm đã kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông.
- 3.4 Lĩnh vực đối ngoại: Hội đồng quản trị quyết định các hoạt động đối ngoại của Công ty.
- 3.5 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
4. Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề sau:
- 4.1 Bổ nhiệm, mức lương, khen thưởng, thù lao, trợ cấp và các lợi ích khác, kỷ luật, miễn nhiệm, cách chức đối với Trưởng, phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc;
  - 4.2 Cử cán bộ, nhân viên, mời đối tác, khách hàng của Công ty ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan theo quy định của Nhà nước;
  - 4.3 Thuê chuyên gia phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
  - 4.4 Công bố báo cáo tài chính quý, bán niên, hàng năm; bản cáo bạch và thông tin đưa lên trang điện tử (Website) Công ty;
  - 4.5 Các hoạt động đối ngoại trong lĩnh vực tuyên truyền, truyền thông, bảo trợ và tổ chức các sự kiện, trách nhiệm hoạt động xã hội của doanh nghiệp với cộng đồng.
  - 4.6 Các vấn đề khác theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị.



Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
10. Thành viên Hội đồng quản trị trong thời gian đương nhiệm không được chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác.
11. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người nhân danh Công ty trong các hoạt động đối ngoại, thiết lập và duy trì mối quan hệ với cổ đông.
3. Quyền và nghĩa vụ:
  - 3.1 Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; phân công công tác cho các thành viên Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trực tiếp trước cổ đông trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 24, Điều 25 và Điều 27 Điều lệ này;
  - 3.2 Quyết định các vấn đề được Hội đồng quản trị ủy quyền tại Khoản 4, Điều 27 Điều lệ này;
  - 3.3 Thay mặt Hội đồng quản trị nhận vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác của Công ty;
  - 3.4 Chỉ đạo tiểu ban chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
  - 3.5 Tổ chức việc thông qua các quyết định của Hội đồng quản trị bằng các hình thức: biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp hoặc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản (hoặc bằng cách khác) theo đúng quy định;
  - 3.6 Thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành các nghị quyết, quyết định, quy chế quản trị Công ty và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị đã thông qua. Thay mặt Đại hội đồng cổ đông ký nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông do mình triệu tập;
  - 3.7 Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra hoạt động điều hành của Ban Giám đốc (Ban Tổng giám đốc) khi cần thiết;



- 3.8 Chỉ đạo Ban Giám đốc (Ban Tổng giám đốc) xử lý kỷ luật đối với tập thể, cá nhân trong Công ty làm ảnh hưởng hiệu quả, uy tín hoạt động của Công ty; trừ đối tượng là cá nhân, tập thể thuộc thẩm quyền bổ nhiệm hoặc thành lập của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
  - 3.9 Yêu cầu các đơn vị, cá nhân trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty phục vụ công tác chỉ đạo, kiểm tra, kiểm soát;
  - 3.10 Trực tiếp hoặc chỉ định người tham gia các cuộc họp của Ban Giám đốc (Ban Tổng giám đốc) khi cần thiết;
  - 3.11 Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và Điều lệ này.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
  5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
  6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

#### **Điều 29. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị bầu một Phó Chủ tịch trong số các uỷ viên Hội đồng quản trị. Nhiệm vụ cụ thể của Phó Chủ tịch theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị và theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Điều lệ này.

#### **Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
  - 3.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị;
  - 3.2 Hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
  - 3.3 Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý;

### 3.4 Đa số thành viên Ban kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp;

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

### 8. Số thành viên tham dự tối thiểu:

- 8.1 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế theo ủy quyền. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được phép ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị khác khi phải vắng mặt vì lý do nào đó. Và phải thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị trước ngày họp ít nhất hai (02) ngày về lý do vắng mặt và nội dung giới hạn ủy quyền của mình. Giấy ủy quyền phải hợp lệ theo mẫu quy định của Công ty;
- 8.2 Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định điểm a, Khoản 9, Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp;
- 8.3 Vì lợi ích của Công ty, để giải quyết nhanh chóng và kịp thời công việc mang tính cấp bách thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị khi không kịp tổ chức họp hoặc lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên, Hội đồng quản trị nhất trí ủy quyền cho ít nhất 03 thành viên Hội đồng quản trị (trong đó nhất thiết phải có Chủ tịch Hội đồng quản trị) quyết định các vấn đề liên quan đến lý do không tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của Hội đồng quản trị nêu trên. Trong trường hợp này, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền có trách nhiệm thông báo đến thành viên Hội đồng quản trị còn lại những vấn đề đã được quyết định theo phương thức này tại cuộc họp Hội đồng quản trị phiên gần nhất.

### 9. Biểu quyết:

- 9.1 Trừ quy định tại điểm b khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;



- 9.2 Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- 9.3 Theo quy định tại điểm d khoản 9 điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phân quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
- 9.4 Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm 4.1 khoản 4 Điều 42 và điểm 4.2 khoản 4 Điều 40 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.
12. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- 12.1 Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- 12.2 Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.
- Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.
- Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

13.1 Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;

13.2 Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập theo quy định tại Điều 113 Luật doanh nghiệp. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

15. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

#### **Điều 31. Các tiểu ban, hội đồng của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban, hội đồng để tham mưu, giúp việc hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm: Tiểu ban kiểm tra kiểm soát nội bộ, tiểu ban chính sách, tiểu ban nghiên cứu sửa đổi cơ chế, điều lệ. Thành viên của tiểu ban, hội đồng có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban, hội đồng phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị ban hành.

### **VIII. GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY**

#### **Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý**

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, một số Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành và các Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

#### **Điều 33. Cán bộ quản lý**

1. Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành được quyền sử dụng số lượng và các loại cán bộ quản lý cần thiết phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc/Tổng Giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành.

**Điều 34. Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành**

1. **Bổ nhiệm:** Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một trong số cán bộ quản lý Công ty hoặc thuê một người khác làm Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
2. **Nhiệm kỳ:** Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là năm (5) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.
3. **Tiêu chuẩn và điều kiện:**
  - 3.1 Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp;
  - 3.2 Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% số cổ phần phổ thông hoặc người có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên hoặc kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty;
  - 3.3 Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi hoặc anh, chị, em ruột của người quản lý Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VINACONEX) và người đại diện phần vốn Tổng công ty tại Công ty;
  - 3.4 Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành không được đồng thời làm Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành của doanh nghiệp khác.
4. **Quyền hạn:**
  - 4.1 Được toàn quyền chủ động điều hành, quản lý bộ máy giúp việc để thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - 4.2 Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày mà không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính, thương mại, lao động, giao nhận thầu xây lắp, dịch vụ, trừ các quy định tại điều 14 và khoản 3, 4, điều 27 Điều lệ này; tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
  - 4.3 Phân công nhiệm vụ hoặc điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ cho các thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng giám đốc);
  - 4.4 Quyết định mức lương, trợ cấp, lợi ích khác, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, cách chức; ký kết và giải quyết các vấn đề liên quan đến Hợp đồng lao động với người lao động trong Công ty trừ cán bộ quản lý;
  - 4.5 Tuyển dụng lao động theo nhu cầu sản xuất kinh doanh;
  - 4.6 Thành lập, giải thể và ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy định hoạt động của các ban, hội đồng theo thẩm quyền;
  - 4.7 Từ chối thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đồng thời phải có trách nhiệm báo cáo ngay cho Ban kiểm soát;



- 4.8 Quyết định và chịu trách nhiệm về các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như: thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn; nhưng phải đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị;
- 4.9 Các quyền khác theo quy định của Hội đồng quản trị, Điều lệ này và Pháp luật.
5. Trách nhiệm và nghĩa vụ:
- 5.1 Tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- 5.2 Chuẩn bị các nội dung theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 27 Điều lệ này trình Hội đồng quản trị và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;
- 5.3 Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng đã ký với Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty;
- 5.4 Thông báo kịp thời bằng văn bản cho thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát các chủ trương, quyết định của mình trong việc triển khai các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị tính trung thực, tính chính xác, kịp thời các thông tin được đề cập trong báo cáo gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- 5.5 Chậm nhất ngày 30 tháng 11 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm;
- 5.6 Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- 5.7 Quan hệ với các cơ quan ban ngành trung ương, địa phương, đối tác, khách hàng để thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao;
- 5.8 Công khai lợi ích liên quan theo quy định tại điều 118 Luật Doanh nghiệp, thực hiện các trách nhiệm quy định tại điều 39, điều 40, điều 41 Điều lệ này và công bố thông tin về giao dịch của cổ đông nội bộ theo quy định của pháp luật chứng khoán;
- 5.9 Các trách nhiệm và nghĩa vụ khác theo quy định của Hội đồng quản trị, Điều lệ này và Pháp luật.
6. Ủy quyền:
- 6.1 Ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Công ty:
- a. Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trường hợp Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành vắng mặt ở Việt Nam trên 30 ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- b. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì Người nhận ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện



theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty;

c. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

6.2 Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành có thể ủy quyền cho các Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số việc của Công ty. Việc ủy quyền phải báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị.

6.3 Người được Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành ủy quyền phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, Hội đồng quản trị và pháp luật về những công việc của mình làm.

6.4 Mọi sự ủy quyền có liên quan đến con dấu của Công ty đều phải thể hiện bằng văn bản.

## 7. Từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm:

7.1 Từ chức: Từ chức là việc cán bộ tự nguyện, chủ động xin thôi giữ chức vụ và được Hội đồng quản trị chấp thuận. Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành muốn từ chức phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải xem xét quyết định.

7.2 Miễn nhiệm: Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Bị pháp luật cấm theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp;

b. Vi phạm các tiêu chuẩn được quy định tại khoản 3 Điều 34 Điều lệ này;

c. Chết hoặc mất tích theo tuyên bố của Tòa án;

d. Vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị gây thiệt hại lợi ích hợp pháp Công ty, của cổ đông nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị xử lý kỷ luật cách chức (bãi nhiệm), được Hội đồng quản trị quyết định hoặc được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết khi dự họp tán thành đề nghị Hội đồng quản trị miễn nhiệm.

### 7.3 Bãi nhiệm:

7.3.1 Hội đồng quản trị có quyền quyết định bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong các trường hợp sau:

a. Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; báo cáo không trung thực tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh của Công ty;

b. Không thực hiện đúng các quyền và nhiệm vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời quyết định của Hội đồng quản trị; thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

c. Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d. Lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;



- e. Để Công ty lâm vào tình trạng lỗ hai năm liên tiếp; hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu hai năm liên tiếp; hoặc ở trong tình trạng lỗ lũy kế xen nhau nhưng không khắc phục được; hoặc không hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết với Công ty;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy định của Hội đồng quản trị.

7.3.2 Trường hợp Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành từ chức, bị miễn nhiệm, bị bãi nhiệm (cách chức), Hội đồng quản trị phải tạm cử người thay thế. Trong thời hạn tối đa ba mươi (30) ngày, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành mới.

### **Điều 35. Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc)**

- 1. **Bổ nhiệm:** Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, mức lương, khen thưởng, thù lao, trợ cấp và các lợi ích khác, kỷ luật, miễn nhiệm, cách chức.
- 2. **Nhiệm kỳ:** Nhiệm kỳ của Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) là 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 3. **Tiêu chuẩn và điều kiện:**
  - 3.1 Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp;
  - 3.2 Có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên hoặc có ít nhất 05 năm kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty;
  - 3.3 Hiểu biết pháp luật; có sức khỏe, phẩm chất, đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.
- 4. **Quyền hạn:**
  - 4.1 Sử dụng các Phòng ban, đơn vị trực thuộc để thực hiện các nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền;
  - 4.2 Đề xuất cơ cấu bộ máy, bố trí, sắp xếp, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, quy hoạch, đào tạo, phát triển nhân sự, tiền lương, chế độ, chính sách, thi đua, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, hợp đồng lao động; quy định, quy trình và các vấn đề khác thuộc lĩnh vực phụ trách để Giám đốc (Tổng Giám đốc) xem xét quyết định;
  - 4.3 Thảo luận và biểu quyết các vấn đề tại các phiên họp thường kỳ hoặc đột xuất của Ban Điều hành; được bảo lưu ý kiến của mình vào biên bản cuộc họp khác với quyết định của Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, nhưng vẫn phải thực hiện theo quyết định của Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đồng thời báo cáo kịp thời bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trình bày rõ về nội dung mà mình không thống nhất;
  - 4.4 Được quyền từ chối thực hiện các quyết định của Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành nếu thấy trái pháp luật, Điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nhưng phải báo cáo kịp thời cho Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành. Trường hợp Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành không điều chỉnh phải báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị;
  - 4.5 Được quyền báo cáo trực tiếp cho Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp các ý kiến đã tham mưu, đề xuất cho Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành nhưng không được phản hồi, quyết định hoặc có phản hồi nhưng xét thấy không hợp lý;
  - 4.6 Các quyền khác theo quy định của Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, Hội đồng quản trị, Điều lệ này và Pháp luật.

**5. Trách nhiệm và nghĩa vụ:**

- 5.1 Các Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) giúp việc cho Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, quản lý các lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành và pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền;
- 5.2 Chịu trách nhiệm liên đới với Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, Hội đồng quản trị về các nghiệp vụ kinh tế - kỹ thuật, đầu tư phát sinh làm thiệt hại cho Công ty trong phạm vi được phân công hoặc ủy quyền;
- 5.3 Tham mưu, hiến kế và đề xuất cho Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị về chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty;
- 5.4 Kiến nghị cho Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, Hội đồng quản trị các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh có nguy cơ gây hại cho Công ty;
- 5.5 Thường xuyên báo cáo Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành về những công việc thực hiện trong phạm vi được phân công hoặc ủy quyền.
- 5.6 Hướng dẫn áp dụng các văn bản của pháp luật, Tổng Công ty thuộc các hoạt động của Công ty trong phạm vi được phân công hoặc ủy quyền;
- 5.7 Công khai lợi ích liên quan theo quy định tại điều 118 Luật Doanh nghiệp, thực hiện các trách nhiệm quy định tại điều 39, điều 40, điều 41 Điều lệ này và công bố thông tin về giao dịch của cổ đông nội bộ theo quy định của pháp luật chứng khoán;
- 5.8 Các trách nhiệm và nghĩa vụ khác theo quy định của Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, Hội đồng quản trị, Điều lệ này và Pháp luật.

**Điều 36. Kế toán trưởng**

1. Bổ nhiệm: Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, mức lương, khen thưởng, thù lao, trợ cấp và các lợi ích khác, kỷ luật, miễn nhiệm, cách chức.
2. Nhiệm kỳ. Nhiệm kỳ của Kế toán trưởng là 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện:
  - 3.1 Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp;
  - 3.2 Có chuyên môn, nghiệp vụ về công tác kế toán và có trình độ đại học chuyên ngành kinh tế kế toán trở lên; có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất từ 05 năm trở lên; có Chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng và các văn bằng chứng chỉ khác có liên quan theo quy định của pháp luật;
  - 3.3 Hiểu biết pháp luật; có sức khỏe, phẩm chất, đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết;
  - 3.4 Không thuộc đối tượng những người không được làm Kế toán trưởng theo quy định tại Điều 51 của Luật Kế toán.
4. Quyền hạn:
  - 4.1 Độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán;
  - 4.2 Được quyền yêu cầu các bộ phận kế toán trong Công ty cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu liên quan đến công việc kế toán; tổ chức kiểm tra, kiểm soát và giám sát tài chính kế toán trong toàn Công ty;



4.3 Được quyền từ chối thực hiện các quyết định của Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành nhưng phải báo cáo kịp thời cho Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, trong các trường hợp:

- a. Có dấu hiệu vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán và Quy chế quản lý tài chính Công ty;
- b. Vượt kế hoạch tài chính được duyệt;
- c. Không đảm bảo hiệu quả sử dụng nguồn vốn;
- d. Các trường hợp khác do Hội đồng quản trị Công ty quy định.

Trường hợp Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành không điều chỉnh phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị.

4.4 Bảo lưu ý kiến chuyên môn bằng văn bản khi có ý kiến khác với ý kiến của Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành;

4.5 Đề xuất cơ cấu bộ máy, bổ trí, sắp xếp, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, quy hoạch, đào tạo, phát triển nhân sự, tiền lương, chế độ, chính sách, thi đua, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, hợp đồng lao động; quy định, quy trình và các vấn đề khác thuộc lĩnh vực tài chính kế toán trong Công ty để Giám đốc (Tổng Giám đốc) xem xét quyết định;

4.6 Được quyền tham gia cùng với Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành thương thảo, đàm phán, ký kết các hợp đồng kinh doanh thương mại của Công ty;

4.7 Được quyền chủ động điều phối nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng Quy chế quản lý tài chính của Công ty;

4.8 Được quyền cung cấp số liệu cho Kiểm soát viên hoặc theo yêu cầu của các đối tượng khác khi có sự đồng ý của Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành;

4.9 Các quyền khác theo quy định của Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, Hội đồng quản trị, Điều lệ này và Pháp luật.

## 5. Trách nhiệm:

5.1 Điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật kế toán và các quy định nội bộ Công ty;

5.2 Tham mưu, tư vấn cho Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành về tổ chức bộ máy tài chính kế toán của Công ty;

5.3 Xây dựng và thực hiện hệ thống chứng từ, hệ thống tài khoản, sổ sách kế toán và điều hành nghiệp vụ kế toán của Công ty theo các quy định hiện hành của pháp luật. Quy trình nghiệp vụ kế toán phải phù hợp với chế độ kế toán mà Công ty đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền;

5.4 Tổ chức, quản lý và giám sát việc tuân thủ chế độ bảo mật đối với mọi sổ sách chứng từ, thông tin tài liệu, số liệu kế toán tài chính;

5.5 Tham mưu, đề xuất cho Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành thu xếp nguồn vốn đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh và các dự án đầu tư của Công ty; cân đối thu - chi trên cơ sở năng lực tài chính của Công ty;

5.6 Giúp Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành quản lý mọi nguồn vốn, tài sản của Công ty theo đúng quy định của pháp luật;

5.7 Kế toán trưởng chịu trách nhiệm cao nhất về tính trung thực của các số liệu báo cáo trước Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành và Hội đồng quản trị;

5.8 Chịu trách nhiệm cùng với Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành lập các báo cáo tài chính phù hợp theo Luật kế toán;

- 5.9 Hướng dẫn áp dụng các văn bản của pháp luật, Tổng Công ty thuộc lĩnh vực tài chính kế toán trong toàn Công ty;
- 5.10 Thường xuyên báo cáo Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành về tình hình tài chính kế toán của Công ty;
- 5.11 Có trách nhiệm công khai lợi ích liên quan theo quy định tại điều 118 Luật Doanh nghiệp và thực hiện các trách nhiệm quy định tại điều 39, điều 40, điều 41 Điều lệ Công ty; công bố thông tin về giao dịch của cổ đông nội bộ theo quy định của pháp luật chứng khoán;
- 5.12 Các trách nhiệm và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

#### **Điều 37. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành**

Hội đồng quản trị có trách nhiệm quy định mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành đảm bảo quản lý điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông suốt, hiệu quả.

#### **Điều 38. Thư ký Công ty**

1. Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:
  - 1.1 Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
  - 1.2 Làm biên bản các cuộc họp;
  - 1.3 Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
  - 1.4 Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
2. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

### **IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ**

#### **Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên Hội đồng quản trị và cán bộ quản lý**

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành và cán bộ quản lý được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

#### **Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế,

các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có các quyết định khác.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hóa vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:
  - 4.1 Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; hoặc
  - 4.2 Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
  - 4.3 Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

#### **Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cưỡng và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay Công ty con của Công ty) ủy quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay Công ty con của Công ty) với tư cách thành viên



Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của một Công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## X. BAN KIỂM SOÁT

### Điều 42. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
  - 1.1 Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;
  - 1.2 Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
  - 1.3 Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng cử viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa một ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai ứng cử viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba ứng cử viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn ứng cử viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.
3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
  - 4.1 Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
  - 4.2 Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
  - 4.3 Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
  - 4.4 Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;



- 4.5 Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 43. Ban kiểm soát**

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
  - 1.1 Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
  - 1.2 Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
  - 1.3 Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
  - 1.4 Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
  - 1.5 Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
  - 1.6 Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
  - 1.7 Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và
  - 1.8 Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.
4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### **XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

##### **Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư được ủy quyền hợp pháp hoặc người được ủy quyền hợp pháp, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.



2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí. Điều lệ này phải được công bố trên Website Công ty.

## XII. CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - CHÍNH TRỊ XÃ HỘI - TỔ CHỨC NGHỀ NGHIỆP

### Điều 45. Các tổ chức xã hội

Hội đồng quản trị có trách nhiệm tạo điều kiện tối đa cho tổ chức Đảng, tổ chức Công đoàn và các tổ chức xã hội hợp pháp khác được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cổ đông cũng như toàn thể người lao động đang trực tiếp tham gia làm việc tại Công ty.

## XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

### Điều 46. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được thông báo và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
2. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua Bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Trung tâm Lưu ký.
6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ



sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

#### **Điều 47. Các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận**

Các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRÙ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

#### **Điều 48. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một hoặc nhiều ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

#### **Điều 49. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ**

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ nếu pháp luật có quy định. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

#### **Điều 50. Năm tài khoá**

Năm tài khoá của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

#### **Điều 51. Hệ thống kế toán**

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhập, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

### **XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

#### **Điều 52. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý**



1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 54 của Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán.
4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên website Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

#### **Điều 53. Công bố thông tin và công bố ra công chúng**

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

### **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 54. Kiểm toán**

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, một Công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho công ty niêm yết sẽ được chỉ định để tiến hành các hoạt động kiểm toán cho Công ty trong năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.



## XVII. CON DẤU

### Điều 55. Con dấu

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

### Điều 56. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
  - 1.1 Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
  - 1.2 Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
  - 1.3 Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - 1.4 Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### Điều 57. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới tòa để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

### Điều 58. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### Điều 59. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.



2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
  - 3.1 Các chi phí thanh lý;
  - 3.2 Tiền lương và các chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
  - 3.3 Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
  - 3.4 Các khoản vay (nếu có);
  - 3.5 Các khoản nợ khác của Công ty;
  - 3.6 Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ điểm 3.1 đến 3.5 trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
  - 1.1 Cổ đông với Công ty; hoặc
  - 1.2 Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành hay cán bộ quản lý của Công ty;

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một (01) chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 61. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định, trừ trường hợp quy định tại tiết s điểm 3.1 khoản 3 Điều 27 Điều lệ này.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động Công ty.

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**



## Điều 62. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm XXI Chương 63 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Vinaconex 17 nhất trí thông qua ngày 31 tháng 03 năm 2011 và chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông nghị quyết thông qua và thay thế Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua năm 2007.
  2. Bản gốc Điều lệ phải có chữ ký trực tiếp của các thành viên Hội đồng quản trị trên từng chân trang; có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và con dấu Công ty tại Điều 55 Điều lệ này. Điều lệ được lập thành 10 bản có giá trị pháp lý như nhau, trong đó:
    - 2.1 01 bản nộp tại Phòng công chứng nhà nước của địa phương;
    - 2.2 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân;
    - 2.3 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.
  3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. Chúng tôi, toàn thể cổ đông của Công ty cổ phần Vinaconex 17 hoàn toàn nhất trí và cam kết thực hiện nghiêm túc các nội dung của Bản Điều lệ này cho đến khi Đại hội đồng cổ đông có quy định khác.
  4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.
- Điều 63. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật



*[Handwritten signature]*

**GIÁM ĐỐC**  
*Dặng Minh Hiến*

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*